

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 30-8-2024

V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Toàn

Ông Dương Văn Bản

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thủy Dương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 17/2024/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 về "Ly hôn, nuôi con chung". Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 41/2024/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 19/QĐPT-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Vân C, sinh năm 1979. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ A, phường G, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đình O; Sinh năm: 1962.

Địa chỉ: Tổ A, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. (Hiện anh O đang chấp hành án phạt tù tại Đội 24, phân trại số C, trại giam P1). (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Lưu Bình D - Đoàn Luật sư tỉnh T. Địa chỉ: Số A, ngõ E, đường X, tổ B, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Đình O là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung bản án sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vân C trình bày: Tôi với anh Nguyễn Đình O kết hôn với nhau vào năm 2006, đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn căng thẳng và anh O đã bị tạm giam và xét xử về tội ma túy với hình phạt tù chung thân. Anh O bị tạm giam từ năm 2015 đến nay. Hiện anh O đang chấp hành án phạt tù tại trại giam P2. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể đoàn tụ được đề nghị Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn anh O

Về con chung: Tôi và anh O có 01 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh N,

sinh ngày 11/9/2018. Tôi có nguyện vọng được nuôi cháu **N**. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không đề nghị.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà **C** xác định trên giấy khai sinh tôi và anh **O** có 01 con chung là cháu **Nguyễn Quỳnh N**, sinh năm 2018. Nhưng trên thực tế anh **O** bị tam giam và đang chấp hành hình phạt tù từ năm 2015, chúng tôi không có gần gũi và quan hệ tình cảm gì. Trong thời gian đó tôi có phát sinh tình cảm với anh **Triệu Hoàng T** và tôi đã có thai với anh **T**. Đến ngày 11/9/2018 thì tôi sinh cháu **Nguyễn Quỳnh N**. Tôi xác định cháu **Nguyễn Quỳnh N** là con đẻ của tôi với anh **T**. Và cháu **N** không phải là con ruột của anh **O**. Đề nghị Tòa án giải quyết cháu **N** không phải là con đẻ của anh **O**. Vì căn cứ vào kết luận giám định huyết thống ADN.

Tại phiên tòa bà **C** thay đổi một phần yêu cầu là xin được ly hôn và xin được nuôi con chung là cháu **N** và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết. Bà **C** xin rút yêu cầu đề nghị xác định ông **O** không phải là bố đẻ của cháu **N**.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: Không có.

Ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Đình O: Xác định kết hôn với bà **Nguyễn Thị Vân C** vào năm 2006 trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại **UBND phường H, thành phố T**. Có 01 con chung là cháu **Nguyễn Quỳnh N**, sinh năm 2018 (*hỗ trợ sinh sản bằng phương pháp thụ tinh trong ống nghiệm*). Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc không xảy ra trục trặc gì. Đến tháng 5/2022 chị **C** làm đơn ly hôn tôi, sau đó chị **C** lại rút đơn ly hôn. Bây giờ chị **C** lại tiếp tục làm đơn ly hôn, tôi biết tình cảm không thể cưỡng cầu được. Tôi có ý kiến là xin Tòa giải quyết xong về con chung, tài sản nợ chung và những việc liên quan giữa tôi và cô **C**. Nếu cô **C** vẫn cương quyết ly hôn tôi sẽ đồng ý ký đơn. Hiện nay vì tôi đang phải chấp hành án, không thể tự ý đi đến các cơ quan chức năng và Tòa án để giải quyết công việc. Vì vậy bằng đơn này xin thời gian gia hạn cho tôi để tôi làm thủ tục uỷ quyền cho người thay tôi đứng ra giải quyết việc và đáp ứng kịp những yêu cầu của Tòa án.

Tòa án đã tiến hành làm việc với ông **O** và ông **O** xác định hiện ông đang chấp hành án phạt tù từ ngày 24/01/2016 tại **Trại giam P2, Bộ C1** về tội Vận chuyển trái phép ma túy, với mức án là chung thân, theo bản án của Tòa án nhân dân tỉnh Hoà Bình. Trong trường hợp bà **C** kiên quyết ly hôn thì ông cũng nhất trí vì ông xác định ông đang đi chấp hành hình phạt tù. Tại giấy khai sinh của cháu **Nguyễn Quỳnh N**, sinh ngày 11/9/2018, có bố là **Nguyễn Đình O** và mẹ là bà **C**. Sau khi được Tòa án gửi và công bố kết luận giám định kèm theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thì tôi mới biết tôi không phải là bố đẻ của cháu **N**. Nếu cần thiết thì đề nghị Tòa án cho đi giám định huyết thống ADN đối với cháu **N** để đảm bảo cho việc giải quyết vụ án.

Về tài sản chung: Ông **O** xác định trước kia có tài sản chung, nhưng ông đã tặng cho bà **C** vào năm 2017 và có lập hợp đồng tặng cho theo quy định.

Nợ chung: Không; Nợ riêng: Có nợ em gái là chị **Nguyễn Thị Y**.

Ông **O** xác định không còn tài sản chung và nợ chung.

Với nội dung trên, tại bản án số 41/2024/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Vân C. Cho bà Nguyễn Thị Vân C được ly hôn ông Nguyễn Đình O.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 11/9/2018 cho bà Nguyễn Thị Vân C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu N khôn lớn trưởng thành hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Ông O được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: HĐXX không xem xét giải quyết.

Về tài sản và các khoản nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/5/2024, ông Nguyễn Đình O có đơn kháng cáo đề nghị Toà án giám định ADN với mẫu giám định của ông và của cháu Nguyễn Quỳnh N.

Về tài sản: Ngoài tài sản ông đã tặng cho bà Nguyễn Thị Vân C thì ông còn một số tài sản chung và tài sản riêng của ông mà bà C đang quản lý, cụ thể:

01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA bán tải, 5 chỗ BKS: 20C- 002223 đăng ký mang tên Nguyễn Đình O là tài sản riêng của ông O.

Tài sản chung là toàn bộ vật dụng trong nhà là:

01 bộ bàn ghế đồng ky 8 món, tay 10, năm 2014 ông O mua với giá 800.000.000 đồng,

03 chiếc giường đôi đồng ky có giá khoảng 120 triệu đồng.

01 tủ đứng đồng ky có giá khoảng 30.000.000 đồng;

01 bàn thờ, 01 kệ ti vi, 01 bàn trang điểm đều là gỗ đồng ky có giá khoảng 60 triệu đồng;

01 bộ bàn ghế ăn gỗ hương đỏ có giá khoảng 50 triệu đồng;

01 đồng hồ quả lắc có giá khoảng 20 triệu đồng;

01 điều hoà cây có giá khoảng 20 triệu;

08 quạt treo tường điều khiển từ xa có giá 40 triệu đồng;

Ông O đề nghị Toà án phân xử tài sản thuộc về ông.

Khoản vay của em gái là 5 tỷ đồng để làm ăn, lợi nhuận vợ chồng cùng hưởng. Ông O xác định đây là nợ chung, đề nghị Toà xem xét giải quyết. Sau khi giải quyết xong tất cả những nội dung trên thì ông O nhất trí ly hôn với bà C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông O giữ nguyên nội dung đã kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Đình O trình bày quan điểm bảo vệ: Tại phiên tòa, bà C xác định tình cảm vợ chồng giữa bà C và ông O không còn và giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với ông O. Về con chung bà C xác định cháu Nguyễn Quỳnh N là con chung của ông O và bà C. Căn cứ về phạm vi xét xử tại cấp phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử vụ án theo quy định.

Ông O không tranh luận, nhất trí quan điểm bảo vệ của luật sư.

Bà C không nhất trí toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát phát biểu sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa

từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Đình O. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 41/2024/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Ông O phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Đình O làm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của ông O đề nghị Tòa án giám định ADN với mẫu giám định của ông và của cháu Nguyễn Quỳnh N để xác định cháu N có phải là con chung của ông O và bà C không. Hội đồng xét xử thấy:

Tại giấy khai sinh của cháu Nguyễn Quỳnh N thể hiện tên người cha là ông Nguyễn Đình O và tên người mẹ là Nguyễn Thị Vân C. Tại phiên tòa bà C xác định cháu Nguyễn Quỳnh N là con chung của bà và ông O. Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định và quyết định cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 11/9/2018 là con chung của ông O và bà C là phù hợp với quy định tại Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông O về nội dung này.

[2.2] Xét nội dung kháng cáo của ông O yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà C không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, ông O không có yêu cầu phản tố về việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết.

Đối với yêu cầu kháng cáo của ông O đề nghị xem xét khoản nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là nợ em gái ông O 5 tỷ. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm ông O không đề nghị xem xét giải quyết và em gái của ông O không có đơn yêu cầu độc lập. Tại phiên tòa bà C không thừa nhận bà C và ông O có khoản nợ chung như ông O kháng cáo.

Theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự, về phạm vi xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của ông O. Ông O có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung sau khi ly hôn bằng vụ án khác.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3.] Về án phí: Do ông O không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có căn cứ

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông **Nguyễn Đình O**.

Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 41/2024/HNGĐ -ST ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông **Nguyễn Đình O** phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002984 ngày 02/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Các quyết định khác của bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 41/2024/HNGĐ -ST ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS TP Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Hồng Phương

